

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 581/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2024
V/v ly hôn Thanh – Giang

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Ông Võ Thái Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2024/TLST- HNGĐ ngày 28/3/2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Tuyết T, sinh năm 1987.

HKTT: tổ B, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang.

Hiện trú tại: tổ B, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông Trần Ngọc Hoàng G, sinh năm 1987.

Trú tại: tổ B, ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/03/2024 nguyên đơn bà Đặng Thị Tuyết T trình bày:

Hôn nhân của bà Tuyết T, ông G do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 19 tháng 02 năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại nhà chồng được một thời gian thì vợ chồng lên S tìm việc làm, từ đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn phù hợp cách sống, thường xuyên cãi nhau do ông G không quan tâm chăm sóc vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tháng 12/2023 bà T bỏ về quê ở P, vợ chồng ly thân, trong

thời gian ly thân ông **G** không tới lui thăm hỏi hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay tình cảm không còn bà **Tuyết T** yêu cầu ly hôn với ông **G**.

Con chung: Vợ chồng có một con chung tên **Trần Ngọc Khánh V**, sinh ngày 20/11/2022 đang sống chung với ông **G**, khi ly hôn bà **Tuyết T** yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông **G** cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa nguyên đơn bà **Đặng Thị Tuyết T** có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn yêu cầu không hoà giải ngày 26/7/2024 bà **T** trình bày về con chung bà đồng ý giao con chung cho ông **G** được tiếp tục nuôi dưỡng, nếu bà có tranh chấp sẽ khởi kiện trong vụ án dân sự khác.

Bị đơn ông **Trần Ngọc Hoàng G** vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được đại diện **ấp B, xã B** cho biết: ông **Trần Ngọc Hoàng G**, sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú và còn sinh sống tại **ấp B, xã B, huyện P, tỉnh An Giang**, tuy nhiên hiện nay ông **G** và gia đình đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về quê sau đó lại tiếp tục đi. Về tình trạng hôn nhân giữa ông **G**, bà **T** như thế nào thì địa phương không rõ. Được biết trong thời gian sống chung ông **G**, bà **T** có một người con chung, không rõ là trai hay gái và đang ở với ai. Từ trước đến nay bà **Tuyết T** không trình báo chính quyền địa phương việc bà **T** đang chăm sóc con, ông **G** đến thăm rồi không mang con về trả lại cho bà **T**.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Ông **Hoàng G** không có mặt theo các thông báo là thực hiện không đúng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà **Tuyết T** được ly hôn ông **Hoàng G**. Vợ chồng có một con chung tên **Trần Ngọc Khánh V**, sinh ngày 20/11/2022, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà **T** yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông **G** nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại **xã B, huyện P, tỉnh An Giang** nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông **Trần Ngọc Hoàng G** được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: ông **G**, bà **T** tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2021 và có đăng ký kết hôn năm 2022 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. bà **T** cho rằng ông **G** không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cãi nhau, tháng 12/2023 bà **T** bỏ về quê tại **P**, ông **G** không tới lui thăm hỏi hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà **Tuyệt T** xin ly hôn với ông **G**.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Thế nhưng vợ chồng ông **G**, bà **Tuyệt T** không còn chung sống khoảng 10 tháng nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà **Tuyệt T** được ly hôn với ông **G**.

[2.2] Về con chung: Ông **G**, bà **Tuyệt T** có một con chung tên **Trần Ngọc Khánh V**, sinh ngày 20/11/2022, con chung đang sống chung với ông **G** khi ly hôn bà **Tuyệt T** đồng ý giao con chung Khánh Vy cho ông **G** tiếp tục nuôi dưỡng, bà **T** không phải cấp dưỡng cho con. Ông **G** vắng mặt không có ý kiến về con chung và yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] Bà **Tuyệt T** trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: bà **Tuyệt T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đặng Thị Tuyệt T**

Về hôn nhân: Cho bà **Đặng Thị Tuyệt T** được ly hôn ông **Trần Ngọc Hoàng G**.

Về con chung: Giao con chung **Trần Ngọc Khánh V**, sinh ngày 20/11/2022 cho ông **Trần Ngọc Hoàng G** được tiếp tục nuôi dưỡng, con chung Khánh Vy đang sống với ông **G**. Bà **Tuyết T** không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà **Đặng Thị Tuyết T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006805 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Bà **Đặng Thị Tuyết T** không phải nộp thêm án phí.

Ông **Trần Ngọc Hoàng G** không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông **G**, bà **T1** Thanh vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Bình Thạnh Đông;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo